

Bản án số: 36/2021/DS-ST
Ngày 29-3-2021
V/v tranh chấp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hiên
2. Bà Nguyễn Kim Kết

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đàm Dơi tham gia phiên tòa:
Ông Dương Tấn Viễn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 04/2021/TLST-DS ngày 05 tháng 01 năm 2021 về việc “tranh chấp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2021/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1962; địa chỉ: Ấp MĐA, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- *Bị đơn:*

1. Bà Nguyễn Thị Đ; địa chỉ: Ấp TĐA, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

2. Ông Võ Trung T; địa chỉ: Ấp TĐA, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Nguyễn Thị D trình bày:

Bà có tham gia hai dây hụi do ông T, bà Đ làm chủ. Cụ thể như sau:

Dây hụi thứ nhất mở ngày 29/5/2014 al, loại hụi 2.000.000đ, tháng khai 01 lần, có 36 chung, bà tham gia 03 chung. Bà đóng hụi được 01 thời gian thì bỏ hốt 02 chung, sau đó đóng được 29 lần thì ông T và bà Đ đình hụi. Số tiền ông T và bà Đ thiếu lại bà ở 01 chung hụi sống là 29 lần x 2.000.000đ x 01 chung =

58.000.000đ. Đối trừ với số tiền phải đóng ở 02 chung hội chết là 7 lần x 2.000.000đ x 02 chung = 28.000.000đ. Như vậy, ông T và bà Đ còn thiếu lại bà 30.000.000đ.

Dây hội thứ hai mở ngày 29/5/2014 al, loại hội 2.000.000đ, tháng khai 01 lần, có 35 chung, bà tham gia 03 chung. Bà đóng hội được 01 thời gian thì bỏ hốt 01 chung, sau đó đóng được 29 lần thì ông T và bà Đ đình hội. Số tiền ông T và bà Đ thiếu lại bà ở 02 chung hội sống là 29 lần x 2.000.000đ x 02 chung = 116.000.000đ. Đối trừ với số tiền phải đóng ở 02 chung hội chết là 7 lần x 2.000.000đ x 01 chung = 14.000.000đ. Như vậy, dây hội này ông T và bà Đ còn thiếu lại bà 102.000.000đ.

Tại đơn khởi kiện, bà D khởi kiện yêu cầu ông T và bà Đ trả số tiền nợ hội là 132.000.000đ.

Tại phiên tòa, bà D khởi kiện yêu cầu ông T và bà Đ trả số tiền nợ hội là 100.000.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D, buộc ông T, bà Đ trả số tiền nợ hội 100.000.000đ. Về án phí: Bà D đã nộp tạm ứng án phí được nhận lại, ông T, bà Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Võ Trung T và bà Nguyễn Thị Đ nhưng ông T, bà Đ vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến giải trình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Võ Trung T và bà Nguyễn Thị Đ đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông T, bà Đ là phù hợp.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng: Theo hai giấy hợp đồng hội ngày 29/5/2014 al loại hội 2.000.000đ và theo biên bản lấy lời khai của ông Huỳnh Văn N, ông Phạm Minh T và bà Nguyễn Yến L cùng ngày 27/01/2021, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Bà D có tham gia hai dây hội do bà Đ, ông T làm chủ, cụ thể: Dây hội thứ nhất mở ngày 29/5/2014 al, loại hội 2.000.000đ, tháng khai 01 lần, có 36 chung, bà tham gia 03 chung. Dây hội thứ hai mở ngày 29/5/2014 al, loại hội 2.000.000đ, tháng khai 01 lần, có 35 chung, bà tham gia 03 chung.

Theo bà D xác định: Đối với dây hội 36 chung bà đã hốt 02 chung, còn 01 chung chưa hốt, dây hội này bị đơn còn nợ 30.000.000đ. Đối với dây hội 35 chung bà đã hốt 01 chung, còn 02 chung chưa hốt, dây hội này bị đơn còn nợ 102.000.000đ. Tổng số tiền bị đơn nợ là 132.000.000đ. Đối với, ông T, bà Đ đã được Tòa án tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng ông bà không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đây là tình

tiết, sự kiện không phải chứng minh quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tuy nhiên tại phiên Tòa, bà D chỉ yêu cầu ông T, bà Đ trả số tiền nợ hui 100.000.000đ. Xét thấy, việc bà D thay đổi yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D. Buộc ông T, bà Đ trả cho bà D số tiền nợ hui 100.000.000đ.

[3] Về án phí dân sự: Bà D không phải chịu, đã nộp tiền tạm ứng án phí được nhận lại. Ông T, bà Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hui, biêu, phurong; khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D.

Buộc ông Võ Trung T và bà Nguyễn Thị Đ trả cho bà Nguyễn Thị D số tiền nợ hui 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị D có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Võ Trung T và bà Nguyễn Thị Đ chậm thi hành đối với khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng ông T, bà Đ còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị D không phải chịu, đã nộp tạm ứng án phí số tiền 3.300.000đ (ba triệu ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0011696 ngày 05/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi được nhận lại. Ông Võ Trung T và bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 5.000.000đ (năm triệu đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Nguyễn Thị D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Võ Trung T và bà Nguyễn Thị Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Quốc Trọng